

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15QTH_ TRỪ KHỎI KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN ĐỢT HỌC 4
MÃ HỌC PHẦN : MKT - 251 TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 31/10/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	142337539	Đoàn Thanh	Tùng	B15QTH1	2		5.1		7				5	5.2	Nằm pháp Hai		
2	152337517	Nguyễn Quý	An	B15QTH1	6.5		4.9		4				7	6.0	Sầu		
3	152337526	Vũ Quốc	Anh	B15QTH1	6.5		5.2		0				5.8	4.4	Bầu pháp Bầu		
4	152337533	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	B15QTH1	0		7.7		0				HP	0.0	Khăng		
5	152337536	Phan Thoại	Chi	B15QTH1	4		5.2		3				5	4.4	Bầu pháp Bầu		
6	152337541	Lê Thị	Cường	B15QTH1	0		6		0				HP	0.0	Khăng		
7	152337546	Nguyễn Đăng	Diệu	B15QTH1	10		5.6		7				6.7	7.0	Báy		
8	152337549	Hồ Phương	Dung	B15QTH1	6.5		4.8		5				4.3	4.7	Bầu pháp Báy		
9	152337550	Hồ Thị Xuân	Dung	B15QTH1	6		5.4		8				7.7	7.4	Báy pháp Bầu		
10	152337557	Huỳnh Tấn	Dũng	B15QTH1	7.5		4.7		6				6	6.0	Sầu		
11	152337565	Thái Thục	Đan	B15QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
12	152337571	Nguyễn Hoàng	Giang	B15QTH1	10		7.1		7				7.2	7.4	Báy pháp Bầu		
13	152337575	Phạm Thị Ngọc	Hà	B15QTH1	10		4.7		7				HP	0.0	Khăng		
14	152337577	Vũ Ngọc	Hà	B15QTH1	10		5.7		8				7.4	7.6	Báy pháp Sầu		
15	152337580	Nguyễn Đức Vương	Hải	B15QTH1	7.5		5.8		7				6.3	6.5	Sầu pháp Nằm		
16	152337581	Nguyễn Hồ Thanh	Hải	B15QTH1	4		4.7		9				6.4	6.6	Sầu pháp Sầu		
17	152337582	Nguyễn Hồng	Hạnh	B15QTH1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
18	152337588	Phạm Văn	Hiệp	B15QTH1	10		5		4				7.1	6.4	Sầu pháp Bầu		
19	152337592	Lê Văn	Hiếu	B15QTH1	0		4.9		0				HP	0.0	Khăng		
20	152337593	Ngô Quang	Hiếu	B15QTH1	8		5.2		8				6.6	7.0	Báy		
21	152337594	Phan Văn	Hiếu	B15QTH1	2		5.1		7				HP	0.0	Khăng		
22	152337597	Lê Thị Diệu	Hòa	B15QTH1	0		4.7		9				HP	0.0	Khăng		
23	152337601	Nguyễn Đức	Hoàng	B15QTH1	7		5.9		0				HP	0.0	Khăng		
24	152337605	Phạm Vũ Kim	Huệ	B15QTH1	10		3.7		7				5.5	6.1	Sầu pháp Mất		
25	152337607	Trần Mạnh	Hùng	B15QTH1	9		7.6		8				7	7.5	Báy pháp Nằm		
26	152337610	Đặng Thị Thanh	Huyền	B15QTH1	3		5.2		5				HP	0.0	Khăng		
27	152337614	Trần Vĩnh	Hưng	B15QTH1	9		4.7		7				7.2	7.1	Báy pháp Mất		
28	152337625	Trần Đình	Khánh	B15QTH1	9.5		4.8		5				5.3	5.6	Nằm pháp Sầu		
29	152337626	Dương Thị Uyên	Khuê	B15QTH1	6.5		4.9		7				6	6.2	Sầu pháp Hai		
30	152337628	Nguyễn Thị Kim	Khuê	B15QTH1	5.5		5.5		7				6.2	6.3	Sầu pháp Ba		
31	152337633	Nguyễn Văn	Kiệt	B15QTH1	3.5		0		5				7.1	5.5	Nằm pháp Nằm		
32	152337634	Vũ Hoàng	Kim	B15QTH1	0		3.9		0				HP	0.0	Khăng		
33	152337639	Nguyễn Thị Vãn	Lan	B15QTH1	4		6.7		7				6.8	6.6	Sầu pháp Sầu		
34	152337642	Đinh Tân	Lập	B15QTH1	10		4		5				6.6	6.3	Sầu pháp Ba		
35	152337644	Phan Thị Mỹ	Lệ	B15QTH1	5		5		5				HP	0.0	Khăng		
36	152337645	Trần Thị Thanh	Liên	B15QTH1	0		6.5		6				HP	0.0	Khăng		
37	152337648	Đào Lê Viết	Linh	B15QTH1	6.5		4.4		0				5.5	4.1	Bầu pháp Mất		
38	152337651	Lê Ngọc	Linh	B15QTH1	3		5.4		0				HP	0.0	Khăng		
39	152337660	Hồ Phước	Long	B15QTH1	5.5		6		8				HP	0.0	Khăng		
40	152337662	Tổng Thiên	Long	B15QTH1	3.5		4.6		4				6.6	5.4	Nằm pháp Bầu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA B15QTH_ TRỪ KHỐI KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN
MÃ HỌC PHẦN : MKT - 251

ĐỢT HỌC 4

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 31/10/2010

LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	152337663	Trần Thị Kim	Long	B15QTH1	9		4.1		7				6.3	6.5	Saũ pháy Nàm		
42	152337664	Hồ Thị Ánh	Ly	B15QTH1	8		4.7		9				5.6	6.6	Saũ pháy Saũ		
43	152337665	Lưu Thị	Lý	B15QTH1	2		4.3		8				V	0.0	Khăng		
44	152337666	Đỗ Thị Thanh	Mai	B15QTH1	6.5		6.1		6				5	5.5	Nàm pháy Nàm		
45	152337673	Nguyễn Thị Trà	My	B15QTH1	10		6		7				7.5	7.5	Baý pháy Nàm		
46	152337677	Lê Thị Bé	Nga	B15QTH1	6.5		4.8		8				5.8	6.3	Saũ pháy Ba		
47	152337684	Lê Hoàng	Ngân	B15QTH1	6		5.1		5				4.8	5.0	Nàm		
48	152337686	Nguyễn Thị	Ngân	B15QTH1	1		6.4	0					HP	0.0	Khăng		
49	152337692	Lê Ngô Trung	Ngọc	B15QTH1	9		6		9				6	7.1	Baý pháy Mất		
50	152337693	Lê Thiện Nhiên	Ngọc	B15QTH1	2		5.3	0					6.6	4.4	Bấu pháy Bấu		
51	152337696	Trần Thị Hạnh	Nguyên	B15QTH1	5		5.5		7				HP	0.0	Khăng		
52	152337700	Nguyễn Chí	Nhất	B15QTH1	2		3		7				V	0.0	Khăng		
53	152337705	Nguyễn Trọng	Phong	B15QTH1	10		5		7				7	7.1	Baý pháy Mất		
54	152337709	Phan Văn Đức	Phước	B15QTH1	1		3.9	0					HP	0.0	Khăng		
55	152337710	Võ Tấn	Phước	B15QTH1	6		5.3		6				V	0.0	Khăng		
56	152337720	Võ Văn	Phương	B15QTH1	5.5		3.4		6				6.3	5.9	Nàm pháy Chèn		
57	152337727	Trần Thị	Sang	B15QTH1	6		5.5		7				6.8	6.6	Saũ pháy Saũ		
58	152337733	Phan Thị Minh	Tâm	B15QTH1	6.5		6.8		6				7.2	6.8	Saũ pháy Tằm		
59	152337741	Nguyễn Thị Thúy	Thanh	B15QTH1	6		4.3		5				6.4	5.8	Nàm pháy Tằm		
60	152337746	Huỳnh Đức	Thảo	B15QTH1	9		4.3		7				6.7	6.8	Saũ pháy Tằm		
61	152337747	Lương Thị Phương	Thảo	B15QTH1	10		7		7				5.2	6.3	Saũ pháy Ba		
62	152337753	Trương Chí	Thiện	B15QTH1	3.5		5.3	0					6.3	4.3	Bấu pháy Ba		
63	152337759	Hoàng Biên	Thùy	B15QTH1	3		3.9		4				2	0.0	Khăng		
64	152337760	Hồ Ngọc Thanh	Thủy	B15QTH1	4.5		8.3	0					HP	0.0	Khăng		
65	152337763	Trần Thị Hoài	Thương	B15QTH1	7.5		4.7		8				6.7	6.9	Saũ pháy Chèn		
66	152337771	Lê Thị Thùy	Trang	B15QTH1	0		6.5		6				HP	0.0	Khăng		
67	152337772	Nguyễn Thị	Trang	B15QTH1	9		7.5		7				6.1	6.8	Saũ pháy Tằm		
68	152337777	Trần Thu	Trang	B15QTH1	8		4.5		6				5	5.5	Nàm pháy Nàm		
69	152337779	Võ Thị Bích	Trâm	B15QTH1	10		7.3		7				7.2	7.4	Baý pháy Bấu		
70	152337791	Cao Như Hoàng	Tú	B15QTH1	10		7.7		8				HP	0.0	Khăng		
71	152337799	Lê Hoàng	Tuấn	B15QTH1	10		6.9	0					6	5.0	Nàm		
72	152337803	Phạm Văn	Tuấn	B15QTH1	9		4.8		8				7.3	7.4	Baý pháy Bấu		
73	152337806	Phan Minh	Tường	B15QTH1	10		4.6		8				6	6.8	Saũ pháy Tằm		
74	152337811	Lê	Việt	B15QTH1	5.5		6.8		6				7.5	6.9	Saũ pháy Chèn		
75	152337816	Hà Anh	Vũ	B15QTH1	1		5.2		6				HP	0.0	Khăng		
76	152317490	Phạm Thị	Quyên	B15QTH2	6		5.1		9				7.8	7.7	Baý pháy Baý		
77	152327005	Nguyễn Chiêm	Ca	B15QTH2	5.5		3.4		7				7.5	6.8	Saũ pháy Tằm		
78	152327142	Nguyễn Trần Hoàng	Uyển	B15QTH2	8.5		3.4		7				6.1	6.3	Saũ pháy Ba		
79	152337515	Đinh Bạt	An	B15QTH2	3		3.5		8				5.3	5.6	Nàm pháy Saũ		
80	152337516	Ngô Thị Lưu	An	B15QTH2	7.5		6		8				6.4	6.9	Saũ pháy Chèn		
81	152337518	Nguyễn Thị Thanh	An	B15QTH2	4		6.8		9				3.5	0.0	Khăng		
82	152337537	Nguyễn Thị	Chiến	B15QTH2	5		5		6				5.5	5.5	Nàm pháy Nàm		
83	152337542	Trần Mạnh	Cường	B15QTH2	5		3.8		7				6	5.9	Nàm pháy Chèn		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15QTH_ TRỪ KHỐI KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN
MÃ HỌC PHẦN : MKT - 251
ĐỢT HỌC 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 31/10/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	152337545	Trần Thị Diễm	B15QTH2	9.5		3.9		7				5.6	6.2	Sau pháp Hai			
85	152337551	Lê Tự Mộc	B15QTH2	6		6.6		6				6.4	6.3	Sau pháp Ba			
86	152337555	Châu Anh	B15QTH2	7.5		5		7				6.3	6.5	Sau pháp Năm			
87	152337558	Ngô Tiến	B15QTH2	5		5		6				5.8	5.7	Nằm pháp Bảy			
88	152337563	Bùi Thị Hồng	B15QTH2	8		4.6		7				5.2	5.9	Nằm pháp Chên			
89	152337566	Đinh Bá	B15QTH2	9		5.7		8				6.7	7.2	Bảy pháp Hai			
90	152337568	Đào Quang	B15QTH2	6		4.6		4				HP	0.0	Khăng			
91	152337573	Ngô Văn	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
92	152337587	Nguyễn Công	B15QTH2	6		4.4		9				6.5	6.9	Sau pháp Chên			
93	152337590	Đoàn Trọng	B15QTH2	10		5.5		7				8	7.7	Bảy pháp Bảy			
94	152337598	Nguyễn Thị Thu	B15QTH2	5		5.1		8				4.7	5.6	Nằm pháp Sáu			
95	152337599	Đinh Văn	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
96	152337600	Mai Xuân	B15QTH2	9.5		5.9		7				6.8	7.0	Bảy			
97	152337608	Võ Văn Quang	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
98	152337611	Hoàng Mạnh	B15QTH2	7.5		4.2		5				5.6	5.5	Nằm pháp Năm			
99	152337616	Huỳnh Cao Lan	B15QTH2	9		6		8				6.7	7.2	Bảy pháp Hai			
100	152337619	Phạm Đình	B15QTH2	8.5		5.7		8				6.4	6.9	Sau pháp Chên			
101	152337620	Đặng Quang	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
102	152337621	Nguyễn Phương Thụy	B15QTH2	8		6.1		7				7.3	7.2	Bảy pháp Hai			
103	152337622	Nguyễn Thanh	B15QTH2	4		5.7		6				6	5.8	Nằm pháp Tám			
104	152337631	Trương Quốc	B15QTH2	9.5		3.3		7				8.3	7.6	Bảy pháp Sáu			
105	152337653	Phan Đình	B15QTH2	2.5		3.4		5				HP	0.0	Khăng			
106	152337655	Phan Thị Thùy	B15QTH2	8.5		5.1		7				7	7.0	Bảy			
107	152337659	Hà Sơn Hạ	B15QTH2	7		4.1		6				6.8	6.4	Sau pháp Bảy			
108	152337669	Võ Thị Tuyết	B15QTH2	7		5.6		7				HP	0.0	Khăng			
109	152337670	Phạm Lê Anh	B15QTH2	7.5		4.6		7				6.2	6.4	Sau pháp Bảy			
110	152337672	Lưu Thị Trà	B15QTH2	9.5		5.4		7				6.7	6.9	Sau pháp Chên			
111	152337674	Huỳnh Thế	B15QTH2	6.5		5.4		7				5.7	6.1	Sau pháp Mười			
112	152337676	Lê Thị	B15QTH2	9		4.2		8				7.4	7.4	Bảy pháp Bảy			
113	152337679	Nguyễn Thị Kiều	B15QTH2	10		3.9		7				7.5	7.3	Bảy pháp Ba			
114	152337680	Ông Hoàng Anh	B15QTH2	5.5		3.1		7				6	5.9	Nằm pháp Chên			
115	152337688	Hồ Trọng	B15QTH2	9		5.2		7				7.3	7.2	Bảy pháp Hai			
116	152337694	Đàm Nguyễn Khoa	B15QTH2	8.5		5.2		7				6.7	6.8	Sau pháp Tám			
117	152337695	Nguyễn Thái Hà	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
118	152337698	Vũ Thanh	B15QTH2	7		4.2		7				5.2	5.7	Nằm pháp Bảy			
119	152337702	Trần Thị Hoàng	B15QTH2	6		5.1		9				7.4	7.4	Bảy pháp Bảy			
120	152337706	Phạm Phú	B15QTH2	10		4.5		8				5.2	6.3	Sau pháp Ba			
121	152337711	Đỗ Thị Anh	B15QTH2	7		4.1		7				5.3	5.8	Nằm pháp Tám			
122	152337717	Nguyễn Thị Xuân	B15QTH2	6		5.8		4				6.2	5.6	Nằm pháp Sáu			
123	152337721	Vũ Thị	B15QTH2	9.5		5.5		9				7.6	7.9	Bảy pháp Chên			
124	152337724	Trần Thị Lệ	B15QTH2	7		6.8		8				8.8	8.2	Tám pháp Hai			
125	152337728	Lê Thị	B15QTH2	10		5.5		9				8.8	8.6	Tám pháp Sáu			
126	152337729	Trương Thị Ngọc	B15QTH2	7		6.7		8				8.3	7.9	Bảy pháp Chên			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN PHÒNG ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B15QTH_ TRỪ KHỎI KINH TẾ										ĐỢT HỌC		4	
				TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN										TÍN CHỈ		3	
Ngày thi: 31/10/2010														LẦN THI		1	
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
127	152337730	Hồ Công Tài	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
128	152337731	Bùi Văn Tăng	B15QTH2	5		5.4		7				7.4	6.9	Saũ pháỷ Chên			
129	152337734	Phan Thị Thanh Tâm	B15QTH2	10		4.5		8				7.5	7.6	Baỷ pháỷ Saũ			
130	152337735	Phạm Nhật Tân	B15QTH2	5		5.1		7				6	6.1	Saũ pháỷ Mầt			
131	152337736	Trương Ngọc Tân	B15QTH2	8.5		6.8		8				7.5	7.7	Baỷ pháỷ Baỷ			
132	152337751	Quách Bảo Thi	B15QTH2	7		5.9		9				6	6.8	Saũ pháỷ Tầm			
133	152337756	Hồ Thị Thu	B15QTH2	8		5.2		8				8.2	7.8	Baỷ pháỷ Tầm			
134	152337762	Phạm Thiên Thương	B15QTH2	5.5		4.4		3				5	4.5	Bầỷ pháỷ Nằm			
135	152337764	Nguyễn Thị Tiền	B15QTH2	8		4.4		6				5.5	5.8	Nằm pháỷ Tầm			
136	152337765	Nguyễn Ngọc Tình	B15QTH2	6		5.2		5				7.1	6.3	Saũ pháỷ Ba			
137	152337766	Đặng Ngọc Toàn	B15QTH2	6		4		7				5	5.5	Nằm pháỷ Nằm			
138	152337769	Võ Như Sơn Trà	B15QTH2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
139	152337776	Nguyễn Thị Thu Trang	B15QTH2	8		5		7				5	5.8	Nằm pháỷ Tầm			
140	152337778	Bùi Thị Bích Trâm	B15QTH2	10		4.8		7				6.2	6.6	Saũ pháỷ Saũ			
141	152337786	Trần Lê Thanh Trúc	B15QTH2	4		5.7		0				HP	0.0	Khăng			
142	152337788	Nguyễn Văn Trung	B15QTH2	7		3.8		6				HP	0.0	Khăng			
143	152337790	Nguyễn Thế Trưởng	B15QTH2	5.5		4.5		8				6.2	6.4	Saũ pháỷ Bầỷ			
144	152337792	Hoàng Dương Cẩm Tú	B15QTH2	7		6		7				6	6.4	Saũ pháỷ Bầỷ			
145	152337793	Nguyễn Thị Cẩm Tú	B15QTH2	6		4		9				V	0.0	Khăng	Hoàn thi		
146	152337804	Cao Thanh Tùng	B15QTH2	4		4		6				3	0.0	Khăng			
147	152337805	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	B15QTH2	4.5		7.4		9				6.5	7.0	Baỷ			
148	152337807	Tuyển Vô Ưu	B15QTH2	2.5		4.5		7				HP	0.0	Khăng			
149	152337809	Nguyễn Lê Khánh Vân	B15QTH2	10		4.8		5				7.5	6.9	Saũ pháỷ Chên			
150	152337814	Đinh Văn Vinh	B15QTH2	7.5		6.4		7				6.5	6.7	Saũ pháỷ Baỷ			
151	152357259	Hứa Tân	B15QTH2	3.5		4.2		0				5.5	3.8	Ba pháỷ Tầm			
152	152357269	Nguyễn Thị Thanh Trang	B15QTH2	8.5		5.3		7				7.6	7.3	Baỷ pháỷ Ba			
153	152337540	Nguyễn Thành Chung	B15QTH2	7		4.3		9				5.6	6.5	Saũ pháỷ Nằm			
1	03.400.020	Phạm Đức Đồng	B13QTH	3		4		8				6	6.0	Saũ			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	111	72%	
2	Số sinh viên nợ	43	28%	
TỔNG CỘNG :		154	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 11 năm 2010

PHÒNG ĐÀO TẠO

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú